

Phụ lục

DANH MỤC MẪU BIỂU

*(Kèm theo Thông tư số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

STT	Mẫu số	Tên mẫu biểu
1	01/TSMH	Tờ khai khấu trừ thuế đối với cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú và tổ chức nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa
2	01-1/BK-TSMH	Bảng kê chi tiết số thuế đã khấu trừ của cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú và tổ chức nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa
3	01/BKNT-TSMH	Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa
4	01/CTKT-TSMH	Chứng từ khấu trừ thuế đối với cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú và tổ chức nước ngoài có hoạt động chuyển nhượng tài sản mã hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI KHẤU TRỪ THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN CƯ TRÚ, CÁ NHÂN
KHÔNG CƯ TRÚ VÀ TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI CÓ HOẠT ĐỘNG
CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN MÃ HÓA**

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ...năm.....

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:....

I. Thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

[04] Tên của tổ chức cung cấp dịch vụ:.....

[05] Mã số thuế tổ chức khấu trừ, nộp thay:

[06] Địa chỉ:

[07] Xã/phường/đặc khu:..... [08] Tỉnh/Thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... [10] Email:.....

[11] Tên đại lý thuế (nếu có):

[12] Mã số thuế:

[13] Hợp đồng đại lý thuế: Số:.....Ngày:.....

II. Thông tin tổng hợp nghĩa vụ thuế trong kỳ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh
I	Doanh thu từ chuyển nhượng tài sản mã hóa của cá nhân		
1	<i>Doanh thu từ chuyển nhượng tài sản mã hóa của cá nhân cư trú</i>		
1.1	Tổng số cá nhân có giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa	[14]	
1.2	Tổng doanh thu chuyển nhượng tài sản mã hóa	[15]	
1.3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[16]	
2	<i>Doanh thu từ chuyển nhượng tài sản mã hóa của cá nhân không cư trú</i>		
2.1	Tổng số cá nhân có giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa	[17]	

2.2	Tổng doanh thu chuyển nhượng tài sản mã hóa	[18]	
2.3	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[19]	
II	Doanh thu từ chuyển nhượng tài sản mã hóa của tổ chức nước ngoài		
1	Tổng số tổ chức nước ngoài có giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa	[20]	
2	Tổng doanh thu chuyển nhượng tài sản mã hóa	[21]	
3	Tổng số thuế TNDN đã khấu trừ	[22]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký
điện tử)

Mẫu số: **01-1/BK-TSMH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
.../2026/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

**BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ ĐỐI VỚI
CÁ NHÂN CƯ TRÚ, CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ VÀ TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI CÓ HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN MÃ
HÓA**

(Kèm theo Tờ khai 01/TSMH)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng ...năm.....

[02] Lần đầu: $\square$

[03] Bổ sung lần thứ:....

[04] Tên tổ chức cung cấp dịch vụ:.....

[05] Mã số thuế tổ chức khấu trừ, nộp thay:

Đơn vị tiên: Đồng Việt Nam

[illegible]

1																
2																
...																
				Tổng cộng								[23]	[24]		[25]	
II	Cá nhân không cư trú có doanh thu từ chuyển nhượng tài sản mã hóa															
1																
2																
...																
				Tổng cộng								[26]	[27]		[28]	
II	Tổ chức nước ngoài có doanh thu từ chuyển nhượng tài sản mã hóa															
1																
2																
...																
				Tổng cộng								[29]	[30]		[31]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chữ viết tắt: CCCD: Căn cước công dân; MST: Mã số thuế.
2. Địa chỉ ví tài sản mã hóa (cột 10): Là địa chỉ ví được sử dụng để thực hiện giao dịch tài sản mã hóa phát sinh thông qua Tổ chức cung cấp dịch vụ, theo thông tin quản lý của Tổ chức cung cấp dịch vụ tại thời điểm giao dịch. Trường hợp một người sử dụng giao dịch có nhiều địa chỉ ví, kê khai địa chỉ ví tương ứng với từng giao dịch.
3. Mã tài sản mã hóa (cột 14): Ghi theo phân loại tài sản mã hóa do Tổ chức cung cấp dịch vụ sử dụng trong hệ thống quản lý giao dịch.
4. Mã token/ Mã hợp đồng (cột 15): Trường hợp tài sản mã hóa không có mã định danh chuẩn, kê khai theo ký hiệu giao dịch do Tổ chức cung cấp dịch vụ quản lý
5. Giá trị chuyển nhượng tài sản mã hóa (cột 19): Kê khai doanh thu chuyển nhượng tài sản mã hóa phát sinh trong tháng theo từng cá nhân, tổ chức nước ngoài..
6. Số thuế đã khấu trừ (cột 21): Kê khai số thuế TNCN, số thuế TNDN đã khấu trừ phát sinh trong tháng theo từng cá nhân, tổ chức nước ngoài.
7. Thông tin cá nhân kiểm soát (cột 22): Áp dụng đối với trường hợp người sử dụng dịch vụ là tổ chức cung cấp dịch vụ kê khai thông tin của cá nhân có quyền kiểm soát thực tế đối với tổ chức sử dụng dịch vụ tài sản mã hóa theo thông tin do tổ chức cung cấp, bao gồm tối thiểu họ và tên, quốc gia cư trú thuế, quốc tịch và thông tin định danh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp tổ chức có từ hai cá nhân kiểm soát trở lên, kê khai thông tin của từng cá nhân kiểm soát.
8. Dữ liệu tại các trường thông tin của Mẫu số 01-1/BK-TSMH phải được tổ chức, lưu trữ dưới dạng điện tử và bảo đảm khả năng trích xuất, kết xuất dữ liệu theo định dạng có cấu trúc (bao gồm định dạng XML hoặc định dạng tương đương) để phục vụ công tác quản lý, đối chiếu và tổng hợp thông tin của cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ TIỀN NỘP THUẾ CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP
DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA

(Kèm theo chứng từ nộp ngân sách nhà nước:
 Số, số tham chiếu, ngày .../.../...)

[01] Ngày lập: .../.../...
 [02] Lần gửi thứ:....

- [03] Tên tổ chức cung cấp dịch vụ:.....
 [04] Mã số thuế tổ chức khấu trừ, nộp thay:
 [05] Địa chỉ:
 [06] Xã/phường/đặc khu:..... [07] Tỉnh/Thành phố:.....
 [08] Điện thoại:..... [09] Email:.....
 [10] Số tờ khai/Số quyết định/Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):.....
 [11] Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo:
 [12] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [13] Mã số thuế:
 [14] Hợp đồng đại lý thuế: Số:.....Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Mã số thuế	Số định danh cá nhân/ Hộ chiếu/ Giấy tờ định danh của cá nhân (Trường hợp chưa có MST)	Họ và tên cá nhân/ Tên tổ chức nước ngoài	Nội dung các khoản nộp NSNN (Tiểu mục)	Số tiền nộp NSNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Số tiền nộp thuế của cá nhân cư trú				
1					
2					
...					
	Tổng cộng		[15]	[16]	[17]
II	Số tiền nộp thuế của cá nhân không cư trú				
1					
2					

...					
	Tổng cộng		[18]	[19]	[20]
III	Số tiền nộp thuế của tổ chức nước ngoài				
1					
2					
...					
	Tổng cộng		[21]	[22]	[23]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

Ghi chú:

1. Chữ viết tắt: MST: Mã số thuế; NSNN: Ngân sách nhà nước.
2. Mỗi chứng từ nộp NSNN người nộp thuế lập một Bảng kê chi tiết tương ứng.
2. Tổng số tiền đã nộp NSNN trên cột (6) trên Bảng kê này phải bằng tổng tiền tổ chức cung cấp tài sản mã hóa đã nộp trên chứng từ nộp NSNN.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN CƯ TRÚ, CÁ NHÂN
KHÔNG CƯ TRÚ VÀ TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI CÓ HOẠT ĐỘNG
CHUYÊN NHƯỢNG TÀI SẢN MÃ HÓA**

Năm: ...

Mẫu số:
Ký hiệu:
Số:

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC KHẤU TRỪ THUẾ

- [01] Tên tổ chức cung cấp dịch vụ:.....
[02] Mã số thuế tổ chức khấu trừ, nộp thay:
[03] Địa chỉ:
[04] Điện thoại/Email:

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI

- [05] Tên tài khoản giao dịch tài sản mã hóa :.....
[06] Tên tổ chức nước ngoài/Họ và tên cá nhân:
[07] Mã số thuế:
[08] Quốc tịch:
[09] Quốc gia cư trú:
[10] Địa chỉ hoặc điện thoại liên hệ:
[11] Số định danh cá nhân /Hộ chiếu/Giấy tờ định danh của cá nhân (Trường hợp chưa có MST):.....

III. THÔNG TIN SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ

- [12] Tổng số giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa:
[13] Tổng giá trị giao dịch chuyển nhượng tài sản mã hóa:
[14] Tổng phí giao dịch:
[15] Số thuế TNCN/Số thuế TNDN đã khấu trừ:.....
[16] Giao dịch có yếu tố nước ngoài: Có/Không

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)*